

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ
người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

*Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người
cao tuổi;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe
ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng
và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;*

*Xét Tờ trình số 1451/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ,
mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban
Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên
địa bàn tỉnh Cao Bằng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người cao tuổi là công dân Việt Nam, đang cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi (*Trong trường hợp tạm trú thì phải có xác nhận về việc chưa được nhận quà chúc thọ, mừng thọ tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú*).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

a) Người cao tuổi thọ 70 tuổi: mức chi 300.000 đồng.

b) Người cao tuổi thọ 75 tuổi: mức chi 400.000 đồng.

c) Người cao tuổi thọ 80 tuổi: mức chi 500.000 đồng.

d) Người cao tuổi thọ 85 tuổi: mức chi 600.000 đồng.

đ) Người cao tuổi thọ 90 tuổi: mức chi 900.000 đồng (*bao gồm phần quà trị giá 200.000 đồng và tiền mặt 700.000 đồng*).

e) Người cao tuổi thọ 95 tuổi: mức chi 1.000.000 đồng (*bao gồm phần quà trị giá 200.000 đồng và tiền mặt 800.000 đồng*).

g) Người cao tuổi thọ 100 tuổi: mức chi 1.000.000 đồng tiền mặt và 05 mét vải lụa có giá trị không quá 500.000 đồng.

h) Người cao tuổi thọ trên 100 tuổi, mỗi năm được mừng thọ một lần: mức chi 1.200.000 đồng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Kinh phí chúc thọ và quà tặng người cao tuổi thọ 90 tuổi và 100 tuổi bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*cơ quan thường trực của Ban Công tác người cao tuổi cấp tỉnh*).

b) Kinh phí tặng quà người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao nhiệm vụ tặng quà cho người cao tuổi theo phân cấp của địa phương.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2024. *ky*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (*để b/c*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê